

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày: 30-5-2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Mẫn.
- *Các hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông: Huỳnh Văn Phong.
 - + Ông: Nguyễn Chí Cường.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bưởi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HS ngày 15-5-2018 đối với:

- *Bị cáo: Lê Văn S* (tên gọi khác: D) sinh ngày 28 tháng 7 năm 1989, nơi sinh tại Tiền Giang; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12. Con ông Lê Văn S (sinh năm 1955) và bà Trần Thị T (sinh năm 1962) (cả hai còn sống).

+ Tiền sự: Không.

+ Tiền án: 02:

* Bản án số 18/2009/HSST ngày 25/6/2009 của Tòa án Nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xử phạt Lê Văn S phạm tội hủy hoại tài sản theo Điểm b Khoản 2 Điều 143 BLHS 1999. Hình phạt 03 năm tù kể từ ngày bắt giữ, tạm giam 02/11/2008. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

* Bản án số 08/2013/HSST ngày 24/4/2013 của Tòa án Nhân dân huyện Tân Phước và Bản án số 149/2013/HSPT ngày 17/7/2013 của Tòa án Nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt Lê Văn S phạm tội cố ý gây thương tích theo Điểm a

Khoản 1 Điều 104 BLHS 1999. Hình phạt 02 năm 03 tháng tù. Chấp hành án tù xong ngày 21/01/2015. Chưa bồi thường trách nhiệm dân sự và chưa nộp án phí HSST, HSPT.

+ Bị cáo Lê Văn S đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2018 đến nay.

+ Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:*

+ Lê Đức T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

+ Lê Giang B, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Công an xã T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Trụ sở: Xã T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ. Chức vụ: Trưởng Công an xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Văn H, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

+ Lê Hoàng T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

+ Lê Ngọc T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 16/6/2017, Lê Văn S, sinh năm 1989, ĐKTT: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang có hành vi dùng dao Thái Lan gây thương tích cho anh Lê Hoàng T, sinh năm 1992 và Lê Ngọc T, sinh năm 1993 tại hộ ông Lê Văn S thuộc ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Sau đó, anh Lê Hoàng T gọi điện thoại tố giác cho Công an xã T đến giải quyết vụ việc. Nhận được tố giác nêu trên, đồng chí (đ/c) Lê Trung H- Phó Trưởng Công an xã T, đ/c Lê Đức T- Công an viên phối hợp với đ/c Lê Giang B- Cán bộ điều tra Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện T phụ trách địa bàn

cùng mặc trang phục Ngành Công an, mang theo súng bắn đạn bi, khóa số 8 đến hộ ông Lê Văn S để xác minh vụ việc.

Lúc này khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, anh Lê Hoàng T và anh Lê Ngọc T được đưa đi cấp cứu. Lê Văn S đi nhờ xe mô tô hai bánh của ông Nguyễn Văn H, sinh 1964 để đến ấp T, xã T với mục đích trốn tránh lực lượng Công an xã. Khi tổ công tác Công an xã T đang đi đến ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang thì đ/c Lê Trung H phát hiện Lê Văn S nên ra hiệu lệnh yêu cầu S dừng lại để về trụ sở Công an xã làm việc(có bắn hai phát súng chỉ thiên); sau thì xe chở S dừng lại. Đồng chí H khống chế S, dùng khóa số 8 cùng 02 tay của S lại về phía trước và giao cho đ/c T điều khiển xe mô tô BKS 61C1- 507.99 chở S ngồi giữa, đ/c B ngồi sau ôm giữ S để đưa S về trụ sở Công an xã.

Sau khi đi được khoảng 400m, do đi vào đoạn đường cong nên xe 61C1- 507.99 bị chao đảo, đ/c B buông S ra để nắm vào cần sau xe. Lúc này, S dùng 02 tay đang bị còng giờ lên tròng vào cổ đồng chí T đang lái xe 61C1- 507.99 và S dùng lực 02 tay siết vào cổ đ/c T, đồng thời giật kéo 02 tay đang bị còng ngược về phía sau, làm cho khóa số 8 tác động vào vùng cổ đ/c T. Hậu quả làm cả 03 người cùng ngã xuống lộ. Đ/c H đến hỗ trợ, khống chế đưa S về trụ sở công an xã T làm việc; đ/c T, đ/c B đến Trung tâm Y tế huyện T điều trị thương tích.

Căn cứ các Giấy Y chứng số 16, 17/2017 cùng ngày 28/6/2017 của Trung tâm Y tế huyện T và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 238, 239/2017/TgT cùng ngày 11/7/2017 của Trung tâm Pháp y Tiền Giang xác định:

+ Thương tích của anh Lê Đức T, sinh năm 1994, ĐKTT: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang: vùng giữa cổ có vết thương kt (1x2)cm, xây xát đau, nứt vương. Tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% (một phần trăm). Thương tích do vật tầy gây nên.

+ Thương tích của anh Lê Giang B, sinh năm 1995, ĐKTT: ấp T, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang: tay trái có vết thương kt: 1,5cm, 1,5cm, 4cm, xây xát rướm máu đỏ. Vết thương trầy xước vùng gần ngón 4 bàn tay trái. Tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (hai phần trăm). Thương tích do vật tầy gây nên.

Lê Đức T và Lê Giang B có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Lê Văn S, sinh năm 1989, ĐKTT: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

*** Vật chứng thu giữ:**

Vật chứng thu giữ tại Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 8 giờ ngày 17/6/2017 tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang, gồm:

- 01 (một) lưỡi dao bằng kim loại trắng dài 11 cm, mũi dao nhọn, nơi rộng nhất lưỡi dao 02 cm.

- 01 (một) cán dao nhựa màu vàng dài 11 cm, phần lưỡi dao dính vào cán dài 01 cm.

- 01 (một) cây khô dài 82 cm, đường kính nơi lớn nhất của cây là 6cm, đầu còn lại có vết toét không rõ hình, trọng lượng nặng 01 kg.

- 01 (một) cây khô dài 46 cm, đường kính đầu nhỏ 7,4 cm, đường kính phần gốc 8cm, nặng 800g.

Ngày 21/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện P ra Quyết định số 32 xử lý các vật chứng nêu trên bằng hình thức tiêu hủy là có cơ sở.

Vật chứng thu giữ do các anh Lê Trung H, Lê Giang B, Lê Ngọc T giao nộp gồm:

- 01 (một) khóa còng cổ tay (loại còng số 8), bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu Yamaha, màu trắng và đen, biển số đăng kí 61C1-507.99, số máy 3077846, số khung C30EY077843, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) áo sơ mi màu xanh (đot chuối), sau thân áo rách dài 18 cm.

Ngày 21/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện P ra các quyết định xử lý vật chứng số 29, 30, 31 bằng hình thức trả lại tài sản cho anh B, T và đại diện Công an xã T (anh H) là có cơ sở.

*** Phần dân sự:**

Bị hại Lê Đức T và Lê Giang B có đơn không yêu cầu bị cáo Lê Văn S bồi thường dân sự.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSTP ngày 19-4-2018, bị cáo Lê Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm k Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm k Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Vật chứng cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét.

Trách nhiệm dân sự: các bị hại không yêu cầu bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

{1} Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp.

{2} Về hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận vào ngày 16/6/2017 tại nhà của bị cáo sau khi có uống rượu và xảy ra mâu thuẫn với anh T, anh T và dùng dao Thái Lan của gia đình đâm anh T, anh T gây thương tích; ngay sau khi bị đâm anh T điện báo Công an xã T và yêu cầu đến giải quyết sự việc, ngay khi này Công an xã phân công cán bộ đến nơi xảy ra vụ việc để giải quyết trên đường đi thì gặp bị cáo S đang đi trên xe do người khác chở, Công an yêu cầu dừng xe lại và nổ súng thì xe dừng lại và dùng còng số 8 còng tay bị cáo S dẫn giải về xã làm việc trên đường đi bị cáo ngồi giữa xe mô tô do anh T Công an xã điều khiển anh B ngồi phía sau khi chạy khoảng 400 mét thì bị cáo dùng tay choàng qua đầu anh T và xiết cổ kéo về phía sau làm cho xe chao đảo ngã cả 03 người té làm cho anh T, anh B bị gây thương tích không tiếp tục điều khiển xe về trụ sở làm việc mà phải vào viện cấp cứu; kết quả thương tật anh T 1%, anh B 02 %, anh S 01 %.

bản thân bị cáo cũng bị thương tích nhẹ. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, nhân chứng và hiện trường nơi xảy ra vụ án nên có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội “cố ý gây thương tích”; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm k Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017 nên Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo về hành vi phạm tội nêu trên là đúng pháp luật.

{3} Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 xét xử bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, cản trở việc thi hành nhiệm vụ của người thi hành công vụ; bản thân bị cáo biết rõ các bị hại là Công an xã đang thi hành công vụ vì họ đang mặc trang phục ngành Công an; đồng thời đang thi hành công vụ do có tin báo là bị cáo đã có hành vi vi phạm pháp luật, hành vi dùng tay choàng phía trước xiết cổ của anh T khi đang điều khiển xe mô tô là hết sức nguy hiểm, bị cáo cũng thừa nhận việc làm của bị cáo là nguy hiểm nhưng do xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác nên bất chấp; nghiêm trọng hơn là bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy đối với bị cáo cần phải xử mức án nghiêm khắc để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người khác.

Tuy nhiên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay thật thà khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

{4} Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại và tiêu hủy xong nên không xem xét.

{5} Về trách nhiệm dân sự: các bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

{6} Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại các Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo Lê Văn S đã phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

2- Về án phí:

Áp dụng Điều 135,136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo S phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

3- Về quyền kháng cáo: bị cáo S, bị hại B, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 02 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Tiền Giang;

- VKSND huyện Tân Phước;
- Cơ quan điều tra CAH Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Mẫn

